

## THƯ MỜI QUAN TÂM

**Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư y tế**

Hiện nay Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá đang có nhu cầu tham khảo thông tin về các mặt hàng vật tư y tế để đầu thầu mua sắm phục vụ công tác điều trị tại bệnh viện năm 2026. Bệnh viện đề nghị các nhà cung cấp có quan tâm gửi thông tin về các mặt hàng vật tư y tế thuộc danh mục đính kèm (phụ lục I) hoặc các mặt hàng vật tư y tế phù hợp với nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện Ung bướu (phụ lục II) để bệnh viện tham khảo.

Biểu mẫu chi tiết danh mục hàng hoá mời quan tâm như trong phụ lục I và phụ lục II đính kèm.

***Cách thức nhận hồ sơ:***

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Ngõ 958, Quang Trung, Phường Đông vệ, TP. Thanh Hoá

- Nhận qua email: [giangtruonghup@gmail.com](mailto:giangtruonghup@gmail.com) (bao gồm bản scan và file excel danh mục).

- Họ và tên người tiếp nhận: Nguyễn Trường Giang

- Số điện thoại liên hệ: 0373.927.648

Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Trước 17h00 ngày 09/7/2025.

Rất mong sự hồi đáp của các Quý công ty, xin trân trọng cảm ơn!

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Lưu VT; KD.

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN**



**Trần Văn Thiết**



PH  
BỆNH VIỆN  
TỈNH THANH HÓA  
tờ mờ số 981  
TỈNH THANH HÓA

\* *mời số* 981 \*  
 TỈNH THANH HÓA  
 TỈNH THANH HÓA

[illegible]



| STT | Mã mời<br>quan tâm | Tên VTYT mời<br>quan tâm                                    | Đơn<br>vị<br>tính | Tên thương<br>mại của<br>VTYT chào<br>quan tâm | Thông số kỹ<br>thuật VTYT<br>chào quan<br>tâm | Mã<br>nhóm<br>Thông<br>tư<br>04/2017<br>(1) | Quy<br>cách<br>đóng<br>gói | Hãng/Nước<br>Sản xuất | Mã hiệu<br>sản<br>phẩm<br>(nếu có) | SDK<br>hoặc<br>GPNK | Giá<br>bán<br>dự<br>kiến | Kết quả<br>trúng<br>thầu<br>tham<br>khảo (2) |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
| 9   | 26.UBVT.9          | Gạc phẫu thuật ổ<br>bụng 30cm x 40cm x<br>8 lớp, tiết trùng | Miếng             |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 10  | 26.UBVT.10         | Bơm cho ăn 50ml                                             | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 11  | 26.UBVT.11         | Bơm tiêm 3ml                                                | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 12  | 26.UBVT.12         | Dây truyền máu                                              | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 13  | 26.UBVT.13         | Khóa ba chạc có dây                                         | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 14  | 26.UBVT.14         | Khóa ba chạc không<br>dây                                   | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 15  | 26.UBVT.15         | Canuyn mở khí quản<br>các số                                | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 16  | 26.UBVT.16         | Ống đặt nội khí quản<br>có bóng                             | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 17  | 26.UBVT.17         | Thông tiểu 2 nhánh                                          | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 18  | 26.UBVT.18         | Catheter tĩnh mạch<br>trung tâm 1 nòng                      | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 19  | 26.UBVT.19         | Catheter tĩnh mạch<br>trung tâm 2 nòng                      | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |

35  
 BỆNH  
 UNG  
 PNH T  
 H Y



| STT | Mã mời<br>quan tâm | Tên VTYT mời<br>quan tâm                                                  | Đơn<br>vị<br>tính | Tên thương<br>mại của<br>VTYT chào<br>quan tâm | Thông số kỹ<br>thuật VTYT<br>chào quan<br>tâm | Mã<br>nhóm<br>Thông<br>tư<br>04/2017<br>(1) | Quy<br>cách<br>đóng<br>gói | Hãng/Nước<br>Sản xuất | Mã hiệu<br>sản<br>phẩm<br>(nếu có) | SDK<br>hoặc<br>GPNK | Giá<br>bán<br>dự<br>kiến | Kết quả<br>trúng<br>thầu<br>tham<br>khảo (2) |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
| 20  | 26.UBVT.20         | Catheter tĩnh mạch<br>trung tâm 3 nòng                                    | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 21  | 26.UBVT.21         | Kim sinh thiết bán<br>tự động các cỡ                                      | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 22  | 26.UBVT.22         | Kim sinh thiết<br>xương                                                   | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 23  | 26.UBVT.23         | Bộ bơm tiêm 150ml<br>dùng cho máy bơm<br>tiêm cân quang<br>trong chụp DSA | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 24  | 26.UBVT.24         | Bộ bơm tiêm cân từ<br>trong chụp MRI                                      | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 25  | 26.UBVT.25         | Bộ bơm tiêm 200ml<br>cho máy bơm tiêm<br>cân quang trong<br>chụp CT       | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 26  | 26.UBVT.26         | Dụng cụ mở đường<br>vào động mạch                                         | cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 27  | 26.UBVT.27         | Dây dẫn đường cho<br>Catheter ái nước                                     | cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 28  | 26.UBVT.28         | Ống thông (catheter)<br>chụp mạch ngoại<br>biên                           | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 29  | 26.UBVT.29         | Vi dây dẫn đường<br>can thiệp                                             | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |

Y  
I VIỆ  
BUỐ  
IANH  
TANH



| STT | Mã mời<br>quan tâm | Tên VTYT mời<br>quan tâm                                                                           | Đơn<br>vị<br>tính | Tên thương<br>mại của<br>VTYT chào<br>quan tâm | Thông số kỹ<br>thuật VTYT<br>chào quan<br>tâm | Mã<br>nhóm<br>Thông<br>tư<br>04/2017<br>(1) | Quy<br>cách<br>đóng<br>gói | Hãng/Nước<br>Sản xuất | Mã hiệu<br>sản<br>phẩm<br>(nếu có) | SDK<br>hoặc<br>GPNK | Giá<br>bán<br>dự<br>kiến | Kết quả<br>trúng<br>thầu<br>tham<br>khảo (2) |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
| 30  | 26.UBVT.30         | Vi dây dẫn can thiệp<br>mạch bụng, có lõi<br>đầu xa dẹt                                            | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 31  | 26.UBVT.31         | Vi dây dẫn đường<br>(micro guide wire)<br>các loại, các cỡ                                         | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 32  | 26.UBVT.32         | Vi ống thông can<br>thiệp mạch ngoại<br>biên                                                       | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 33  | 26.UBVT.33         | Vi ống thông can<br>thiệp gan, mạch máu<br>tạng và ngoại biên<br>dùng cho các mạch<br>máu chọn lọc | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 34  | 26.UBVT.34         | Vi ống thông can<br>thiệp mạch máu<br>ngoại biên                                                   | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 35  | 26.UBVT.35         | Vi ống thông kèm vi<br>dây dẫn                                                                     | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 36  | 26.UBVT.36         | Vi ống thông dùng<br>trong can thiệp mạch<br>máu                                                   | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 37  | 26.UBVT.37         | Vi ống thông dùng<br>cho mạch ngoại vi<br>và mạch tạng                                             | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |





[illegible]



[illegible]



| STT | Mã mời<br>quan tâm | Tên VTYT mời<br>quan tâm         | Đơn<br>vị<br>tính | Tên thương<br>mại của<br>VTYT chào<br>quan tâm | Thông số kỹ<br>thuật VTYT<br>chào quan<br>tâm | Mã<br>nhóm<br>Thông<br>tư<br>04/2017<br>(1) | Quy<br>cách<br>đóng<br>gói | Hãng/Nước<br>Sản xuất | Mã hiệu<br>sản<br>phẩm<br>(nếu có) | SĐK<br>hoặc<br>GPNK | Giá<br>bán<br>dự<br>kiến | Kết quả<br>trúng<br>thầu<br>tham<br>khảo (2) |
|-----|--------------------|----------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
| 56  | 26.UBVT.56         | Phim X-quang khô y<br>tế 25x30cm | Tờ                |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 57  | 26.UBVT.57         | Phim X-quang khô y<br>tế 35x43cm | Tờ                |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 58  | 26.UBVT.58         | Giấy điện tim 6 căn              | Tập               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 59  | 26.UBVT.59         | Giấy in nhiệt siêu<br>âm         | Cuộn              |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 60  | 26.UBVT.60         | Điện cực tim                     | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 61  | 26.UBVT.61         | Bao cao su                       | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 62  | 26.UBVT.62         | Dây nối bơm tiêm<br>điện 75cm    | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 63  | 26.UBVT.63         | Chỉ không tiêu<br>Nylon số 2/0   | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 64  | 26.UBVT.64         | Chỉ không tiêu<br>Nylon số 4/0   | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 65  | 26.UBVT.65         | Chỉ không tiêu<br>Nylon số 5/0   | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 66  | 26.UBVT.66         | Chỉ không tiêu<br>Nylon số 6/0   | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 67  | 26.UBVT.67         | Chỉ tiêu tổng hợp số<br>1/0      | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |





| STT | Mã mời<br>quan tâm | Tên VTYT mời<br>quan tâm                         | Đơn<br>vị<br>tính | Tên thương<br>mại của<br>VTYT chào<br>quan tâm | Thông số kỹ<br>thuật VTYT<br>chào quan<br>tâm | Mã<br>nhóm<br>Thông<br>tư<br>04/2017<br>(1) | Quy<br>cách<br>đóng<br>gói | Hãng/Nước<br>Sản xuất | Mã hiệu<br>sản<br>phẩm<br>(nếu có) | SDK<br>hoặc<br>GPNK | Giá<br>bán<br>dự<br>kiến | Kết quả<br>trúng<br>thầu<br>tham<br>khảo (2) |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
| 68  | 26.UBVT.68         | Chỉ tiêu tổng hợp số<br>2/0                      | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 69  | 26.UBVT.69         | Chỉ tiêu tổng hợp số<br>3/0                      | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 70  | 26.UBVT.70         | Chỉ tiêu tổng hợp số<br>4/0                      | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 71  | 26.UBVT.71         | Chỉ tiêu tổng hợp số<br>5/0                      | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 72  | 26.UBVT.72         | Chỉ tiêu tổng hợp số<br>6/0                      | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 73  | 26.UBVT.73         | Chỉ không tiêu<br>Polypropylene số<br>3/0        | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 74  | 26.UBVT.74         | Chỉ không tiêu<br>Polypropylene số<br>4/0        | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 75  | 26.UBVT.75         | Chỉ không tiêu<br>Polypropylene số<br>5/0        | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 76  | 26.UBVT.76         | Chỉ không tiêu<br>Polypropylene số<br>6/0        | Sợi               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 77  | 26.UBVT.77         | Tay dao hàn mạch<br>kèm cắt dùng cho<br>mở, 21cm | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |



| STT | Mã mời<br>quan tâm | Tên VTYT mời<br>quan tâm                                        | Đơn<br>vị<br>tính | Tên thương<br>mại của<br>VTYT chào<br>quan tâm | Thông số kỹ<br>thuật VTYT<br>chào quan<br>tâm | Mã<br>nhóm<br>Thông<br>tư<br>04/2017<br>(1) | Quy<br>cách<br>đóng<br>gói | Hãng/Nước<br>Sản xuất | Mã hiệu<br>sản<br>phẩm<br>(nếu có) | SĐK<br>hoặc<br>GPNK | Giá<br>bán<br>dự<br>kiến | Kết quả<br>trúng<br>thầu<br>tham<br>khảo (2) |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
| 78  | 26.UBVT.78         | Tay dao hàn mạch<br>máu dùng cho mổ<br>mở, hàm phủ nano         | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 79  | 26.UBVT.79         | Tay dao hàn mạch<br>máu dùng cho mổ<br>nội soi, hàm phủ<br>nano | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 80  | 26.UBVT.80         | Tay dao siêu âm<br>không dây mổ mở                              | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 81  | 26.UBVT.81         | Tay dao siêu âm<br>không dây mổ nội<br>soi                      | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 82  | 26.UBVT.82         | Pin dao siêu âm                                                 | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 83  | 26.UBVT.83         | Bộ phát năng lượng<br>dao siêu âm                               | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 84  | 26.UBVT.84         | Sạc pin dao mổ siêu<br>âm                                       | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 85  | 26.UBVT.85         | Khay lắp pin                                                    | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 86  | 26.UBVT.86         | Dụng cụ cắt khâu<br>tiêu hóa nội soi                            | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 87  | 26.UBVT.87         | Băng ghim cắt khâu<br>tiêu hóa nội soi các<br>cỡ                | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |

IỆN  
 RỬU  
 I HÓA  
 H H



[illegible]



[illegible]



| STT | Mã mời quan tâm | Tên VTYT mời quan tâm                  | Đơn vị tính | Tên thương mại của VTYT chào quan tâm | Thông số kỹ thuật VTYT chào quan tâm | Mã nhóm Thông tư 04/2017 (1) | Quy cách đóng gói | Hãng/Nước Sản xuất | Mã hiệu sản phẩm (nếu có) | SDK hoặc GPNK | Giá bán dự kiến | Kết quả trúng thầu tham khảo (2) |
|-----|-----------------|----------------------------------------|-------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|---------------|-----------------|----------------------------------|
| 107 | 26.UBVT.107     | Đầu côn có lọc 1000ul                  | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 108 | 26.UBVT.108     | Đầu côn xanh                           | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 109 | 26.UBVT.109     | Đầu côn vàng                           | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 110 | 26.UBVT.110     | Lam kính                               | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 111 | 26.UBVT.111     | Lam kính mài                           | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 112 | 26.UBVT.112     | Lamen xét nghiệm, kích thước 24 x 50mm | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 113 | 26.UBVT.113     | Lam kính tĩnh điện dương               | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 114 | 26.UBVT.114     | Bút mỡ                                 | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 115 | 26.UBVT.115     | Chỉ tơ phẫu thuật                      | Cuộn        |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 116 | 26.UBVT.116     | Viên sát khuẩn                         | viên        |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 117 | 26.UBVT.117     | Kim chọc dò và gây tê tuỷ sống         | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 118 | 26.UBVT.118     | Kim khâu tam giác các cỡ               | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |

SỞ  
 BỘN  
 UNG  
 ÍNH T  
 7



| STT | Mã mời quan tâm | Tên VTYT mời quan tâm                       | Đơn vị tính | Tên thương mại của VTYT chào quan tâm | Thông số kỹ thuật VTYT chào quan tâm | Mã nhóm Thông tư 04/2017 (1) | Quy cách đóng gói | Hãng/Nước Sản xuất | Mã hiệu sản phẩm (nếu có) | SDK hoặc GPNK | Giá bán dự kiến | Kết quả trúng thầu tham khảo (2) |
|-----|-----------------|---------------------------------------------|-------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|---------------|-----------------|----------------------------------|
| 119 | 26.UBVT.119     | Tấm điện cực trung tính                     | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 120 | 26.UBVT.120     | Tay dao mổ điện                             | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 121 | 26.UBVT.121     | Bình dẫn lưu kín vết mổ                     | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 122 | 26.UBVT.122     | Dây dẫn lưu silicon vô trùng                | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 123 | 26.UBVT.123     | Dây hút dịch phẫu thuật                     | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 124 | 26.UBVT.124     | Mask thở oxy                                | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 125 | 26.UBVT.125     | Mũ phẫu thuật                               | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 126 | 26.UBVT.126     | Filter lọc khuẩn và làm ẩm cho người lớn    | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 127 | 26.UBVT.127     | Ống nghiệm EDTA K2 nắp cao su               | Ống         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 128 | 26.UBVT.128     | Ống nghiệm máu thủy tinh 12mm x 80mm        | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 129 | 26.UBVT.129     | Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh 16mm x 100mm | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |

Y  
+ VIỆ  
BƯC  
IANH  
IANH



| STT | Mã mời<br>quan tâm | Tên VTYT mời<br>quan tâm                              | Đơn<br>vị<br>tính | Tên thương<br>mại của<br>VTYT chào<br>quan tâm | Thông số kỹ<br>thuật VTYT<br>chào quan<br>tâm | Mã<br>nhóm<br>Thông<br>tư<br>04/2017<br>(1) | Quy<br>cách<br>đóng<br>gói | Hãng/Nước<br>Sản xuất | Mã hiệu<br>sản<br>phẩm<br>(nếu có) | SDK<br>hoặc<br>GPNK | Giá<br>bán<br>dự<br>kiến | Kết quả<br>trúng<br>thầu<br>tham<br>khảo (2) |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
| 130 | 26.UBVT.130        | Ống nghiệm lấy máu<br>Sodium Citrate 3.8%<br>nắp nhựa | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 131 | 26.UBVT.131        | Ống nghiệm lấy<br>huyết thanh                         | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 132 | 26.UBVT.132        | Ống máu lắng                                          | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 133 | 26.UBVT.133        | Đĩa petri nhựa<br>90mm                                | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 134 | 26.UBVT.134        | Tăm bông vô trùng                                     | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 135 | 26.UBVT.135        | Bông không thấm<br>nước                               | Kg                |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 136 | 26.UBVT.136        | Que cấy vi sinh 10ul                                  | cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 137 | 26.UBVT.137        | Que cấy vi sinh 1ul                                   | cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 138 | 26.UBVT.138        | Giấy in nhiệt 57 mm<br>x 45mm                         | cuộn              |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 139 | 26.UBVT.139        | Băng chỉ thị nhiệt<br>hấp ướt                         | Cuộn              |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |
| 140 | 26.UBVT.140        | Túi ép tiệt trùng<br>Tyvek 150mm x<br>70m             | Cuộn              |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |





[illegible]



| STT | Mã mời quan tâm | Tên VTYT mời quan tâm                                  | Đơn vị tính | Tên thương mại của VTYT chào quan tâm | Thông số kỹ thuật VTYT chào quan tâm | Mã nhóm Thông tư 04/2017 (1) | Quy cách đóng gói | Hãng/Nước Sản xuất | Mã hiệu sản phẩm (nếu có) | SĐK hoặc GPNK | Giá bán dự kiến | Kết quả trúng thầu tham khảo (2) |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|---------------|-----------------|----------------------------------|
| 152 | 26.UBVT.152     | Ống PCR 0.5 ml                                         | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 153 | 26.UBVT.153     | Ống Falcon 50 ml tiệt trùng, không DNase, RNase        | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 154 | 26.UBVT.154     | Giá đựng ống Eppendorf dùng cho ống 1.5 ml/1.7 ml/2 ml | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 155 | 26.UBVT.155     | Giá đựng ống ly tâm 4 mặt                              | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 156 | 26.UBVT.156     | Giá đựng ống 0.2ml                                     | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 157 | 26.UBVT.157     | Hộp đựng mẫu lưu DNA âm sâu 100 vị trí                 | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 158 | 26.UBVT.158     | Bao đo huyết áp                                        | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 159 | 26.UBVT.159     | Cáp điện tim                                           | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 160 | 26.UBVT.160     | Bộ cực ngực                                            | Bộ          |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 161 | 26.UBVT.161     | Bộ kẹp chi                                             | Bộ          |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 162 | 26.UBVT.162     | Cáp đo SPO2                                            | Cái         |                                       |                                      |                              |                   |                    |                           |               |                 |                                  |





| STT | Mã mời<br>quan tâm | Tên VTYT mời<br>quan tâm | Đơn<br>vị<br>tính | Tên thương<br>mại của<br>VTYT chào<br>quan tâm | Thông số kỹ<br>thuật VTYT<br>chào quan<br>tâm | Mã<br>nhóm<br>Thông<br>tư<br>04/2017<br>(1) | Quy<br>cách<br>đóng<br>gói | Hãng/Nước<br>Sản xuất | Mã hiệu<br>sản<br>phẩm<br>(nếu có) | SDK<br>hoặc<br>GPNK | Giá<br>bán<br>dự<br>kiến | Kết quả<br>trúng<br>thầu<br>tham<br>khảo (2) |
|-----|--------------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
| 163 | 26.UBVT.163        | Bóng đèn halogen         | Cái               |                                                |                                               |                                             |                            |                       |                                    |                     |                          |                                              |

**Ghi chú:**

(1): Ghi mã số theo nhóm quy định tại phụ lục I, thông tư số 04/2017/TT-BYT 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế

(2): Ưu tiên các kết quả trúng thầu gần đây không quá 12 tháng của các bệnh viện trong hoặc gần địa bàn tỉnh Thanh Hoá.





## PHỤ LỤC II: DANH MỤC NHÀ CUNG CẤP PHÙ HỢP NHU CẦU CHUYÊN MÔN CỦA BỆNH VIỆN UNG BƯỞU THANH HÓA

(Kèm theo thư mời số **981** /BVUB-KD ngày **27** tháng 6 năm 2025)

| STT | Tên vật tư y tế | Tên thương mại của VTYT | Thông số kỹ thuật VTYT | Mã nhóm Thông tư 04/2017 (1) | Đơn vị tính | Quy cách đóng gói | Hãng/Nước Sản xuất | Mã hiệu sản phẩm (nếu có) | SĐK hoặc GPNK | Giá bán dự kiến | Kết quả trúng thầu tham khảo (2) |
|-----|-----------------|-------------------------|------------------------|------------------------------|-------------|-------------------|--------------------|---------------------------|---------------|-----------------|----------------------------------|
| 1   |                 |                         |                        |                              |             |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 2   |                 |                         |                        |                              |             |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| 3   |                 |                         |                        |                              |             |                   |                    |                           |               |                 |                                  |
| ... |                 |                         |                        |                              |             |                   |                    |                           |               |                 |                                  |

### Ghi chú:

(1): Ghi mã số theo nhóm quy định tại phụ lục I, thông tư số 04/2017/TT-BYT 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế

(2): Ưu tiên các kết quả trúng thầu gần đây không quá 12 tháng của các bệnh viện trong hoặc gần địa bàn tỉnh Thanh Hoá.